TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 114/2020/QĐST-HNGĐ	*Trà Ôn, ngày 25 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 147/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Văn Đ có 02 con chung tên Nguyễn Thị Quế T1, sinh ngày 25/9/2007 và Nguyễn Phi L, sinh ngày 21/11/2015.

2.1.1. Giao con chung tên Nguyễn Thị Quế T1, sinh ngày 25/9/2007 cho anh Nguyễn Văn Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.1.2. Giao con chung tên Nguyễn Phi L, sinh ngày 21/11/2015 cho chị Nguyễn Thị Kim N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N nộp 75.000đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* nhưng được miễn toàn bộ án phí do thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim N số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0016106 ngày 14/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ nộp 75.000đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* nhưng được miễn toàn bộ án phí do thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Uỷ ban nhân dân thị trấn T (Theo GCN KH số 26, quyển 01, ngày 20/4/2009);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga